TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 281/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 12 – 2017
(V/v tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ, chung sống với nhau như vợ chồng mà khôngđăng ký kết hôn.)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm;
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 788/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 819/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ Q – sinh năm: 1980 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lư Anh K – sinh năm: 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ Q khởi kiện với nội dung được thể hiện tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2017, tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như được bổ sung tại phiên tòa bà Q trình bày: Bà và ông K chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức cưới gả theo phong tục, không có đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do ông K thường xuyên đánh và xúc phạm bà. Bà và ông đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lư Kỳ M – sinh ngày: 28/3/2005 và Lư Kỳ T – sinh ngày 20/10/2011. Hiện các con đang sống chung với bà Q. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

* Tại phiên hòa giải và bản tự khai, ông Lư Anh K trình bày: Về thời gian chung sống đúng như bà Q đã trình bày, ông và bà Q không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà Q trình bày, ông thừa nhận có đánh, xúc phạm bà Q nhưng rất ít, không thường xuyên. Trong cuộc sống hàng ngày ông có yêu cầu bà Q giành thời gian dùng chung bữa cơm gia đình nhưng bà Q không thực hiện dẫn đến mâu thuẫn. Ông và bà Q đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q. Tại phiên tòa, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lư Kỳ M – sinh ngày: 28/3/2005 và Lư Kỳ T – sinh ngày 20/10/2011. Hiện các con đang sống chung với bà Q. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông đồng ý giao cả hai người con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K thống nhất việc ông, bà chung sống như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Nguyễn Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn với ông Lư Anh K, quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K sống chung như vợ chồng từ năm 2003, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Nay bà Nguyễn Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn, mặc dù ông Lư Anh K cho rằng còn thương vợ nhưng vẫn đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, thì mối quan hệ của bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K thống nhất có hai người con chung tên Lư Kỳ M sinh ngày 28/3/2005 và Lư Kỳ T sinh ngày 20/10/2011. Hiện nay các con chung đang sống cùng bà Q. Cả bà Q và ông K thống nhất tiếp tục giao cả hai người con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai người con chung. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tiếp tục giao cho bà Q trực tiếp nuôi cả hai người con chung, ông K không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K đều thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Nguyễn Thị Lệ Q phải nộp đúng theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lư Anh K không phải là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao hai người con chung tên Lư Kỳ M sinh ngày 28/3/2005 và Lư Kỳ T sinh ngày 20/10/2011, cho bà Nguyễn Thị Lệ Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông Lư Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ Q phải nộp. Ngày 05/10/2017 bà Nguyễn Thị Lệ Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003760 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu